

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

--- * ---

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Bắc

2. Ông Vũ Hồng Gương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đăng Viên- Chức vụ: Kiểm sát viên.

-Ngày 24/8/2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2020 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

- Có mặt

-Bi đơn: Ông Lãng Văn B sinh năm 1968

Nơi ĐKNKTT: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Hiện đang chấp hành án tại: Đội G, phân trại số H, trại giam Quảng Ninh.

-Vắng mặt (Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu đến năm 2002 bà A kết hôn với ông Lãng Văn B, hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện I (Nay là phường E, thị xã C), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống bình thường, đến khoảng năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và một phần do ông B thường chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, có

lúc chửi bới lẫn nhau. Trầm trọng nhất là bản thân ông B nghiện ma túy. Do đó, năm 2014 ông B bị Tòa án nhân dân thị xã C kết án 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” phải đi chấp hành án. Hiện tại ông B đang phải thi hành án tại trại giam Quảng Ninh. Vì thế, bà A thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

-Về con chung: Bà A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 con chung đều đã trưởng thành là Lăng Văn K, sinh năm 1990 và Lăng Quốc L, sinh năm 1994. Quan điểm của bà A các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Bà A xác nhận bà và ông B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ông Lăng Văn B vắng mặt nhưng có quan điểm trong biên bản lấy lời khai thể hiện:*

-Về tình cảm và quá trình kết hôn ông B thừa nhận toàn bộ quá trình tìm hiểu và tự nguyện kết hôn như bà A đã trình bày là đúng. Ông B xác nhận hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do năm 2013 ông có đi chấp hành án về thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông có đánh bà A một số lần và được chính quyền địa phương và công an phường E đến giải quyết. Sau đó đến năm 2014 ông bị Tòa án kết án 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy phải đi chấp hành án và vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay.

Quan điểm của ông B ông không muốn ly hôn bà A vì các con đã lớn, ông rất xấu hổ không muốn các con không có bố, có mẹ và ông muốn khi nào ông chấp hành án xong về giải quyết ly hôn với bà A.

-Về con chung: Ông B xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 con chung đều đã trưởng thành là Lăng Văn K, sinh năm 1990 và Lăng Quốc L, sinh năm 1994. Quan điểm của ông B các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Ông B xác nhận vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị A. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Lăng Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về Tố Tụng: Ngày 28/02/2020, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 10/02/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28 Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị A và ông Lăng Văn B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 1989, nhưng đến năm 2002 hai người mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện I (Nay là phường E, thị xã C), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc bình thường, ông B chơi bời nên trước năm 2013 phải đi chấp hành án và đến năm 2013 trở về địa phương. Sau khi trở về địa phương ông B không tu chí làm ăn lương thiện, thường xuyên tụ tập chơi bời hút trích ma túy, không quan tâm đến vợ con và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập bà A. Đến năm 2014 thì phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị Tòa án kết án 08 năm tù. Hiện đang chấp hành án tại: Đội G, phân trại số H, trại giam Quảng Ninh. Do đó, bà A thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án xử cho bà được ly hôn ông B là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với ông B không có mặt tại Tòa án để giải quyết nhưng ông B có quan điểm thể hiện bản thân ham chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù không có điều kiện chăm lo cho gia đình và con cái. Nay bà A có đơn xin ly hôn ông, ông không nhất trí với lý do vì các con đã lớn, ông rất xấu hổ không muốn các con không có bố, có mẹ và ông muốn khi nào ông chấp hành án xong về giải quyết ly hôn với bà A.

Tuy nhiên lý do của ông B đưa ra là không có căn cứ vì bản thân ông thừa nhận chơi bời không quan tâm tới vợ con, có lúc có hành vi đánh đập vợ. Muôn thuẩn vợ chồng ông B bà A còn được Chính quyền địa phương cung cấp được thể hiện trong biên bản xác minh ngày 20/4/2020 do ông Trưởng khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Tình cảm vợ chồng ông B bà A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân ông B ham chơi bời nghiện ma túy thường xuyên phải chấp hành hình phạt tù. Sau khi trở về địa phương hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông B có lần đánh bà A chính quyền địa phương và Công an phường đã nhiều lần đến giải quyết. Năm 2014 ông B vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án 08 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy hiện đang chấp hành án. Quan điểm của chính quyền đề nghị Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn ông B.

Từ căn cứ trên, xét thấy tình cảm vợ chồng của ông B, bà A không còn, không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Do đó, nguyện vọng của bà A là hoàn toàn chính đáng phù

hợp theo quy định tại các Điều 51, 56- Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị A.

[3]**Về con chung:** Các đương sự đều xác nhận các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]**Về tài sản chung:** Các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]**Về án phí:** Án phí ly hôn bà Nguyễn Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228, 238- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A.

Tuyên Xử: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Lãng Văn B.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001747 ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

-TAND tỉnh Quảng Ninh.

-VKS thị xã C.

-T.H.A DS

-Các đ-ơng sự.

- UBND phường E

-L- u hồ sơ; VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Nguyễn Chí Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Bắc

Phạm Minh Thư

Nguyễn Chí Mạnh

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TOÀ**

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN

**Vũ Thị Thanh
Mạnh**

Nguyễn Hoàng

Nguyễn Chí

